

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH TÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 06/01/2022

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Liên

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Văn Khanh

2. Bà Võ Phương Trang

*Thư ký phiên tòa:* Ông Chiêm Tiền Quý Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân:* Bà Hồ Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 152/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/12/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Văn H, sinh năm: 1973; Địa chỉ: 320/64B C L, khu phố 3, phường B T Đ A, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh (ông Đoàn Văn H có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Lê Kim T, sinh năm: 1975; Địa chỉ: 320/64B C L, khu phố 3, phường B T Đ A, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh (bà Lê Kim T vắng mặt không lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của ông Đoàn Văn H cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:*

Ông Đoàn Văn H và bà Lê Kim T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1993, đến năm 2000 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B T Đ, huyện B C, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 44, ngày 08/3/2000. Trong thời gian chung sống cùng nhau, do bà Lê Kim T không rõ ràng về tiền bạc, kinh tế, thường xuyên vay nợ mà ông Đoàn Văn H không rõ mục đích đã đẩy gia đình vào hoàn cảnh khó khăn, năm 2019 gia đình đã phải bán một căn nhà để trả nợ mà vẫn không đủ.

Nay ông Đoàn Văn H nhận thấy không còn niềm tin, tình cảm với bà Lê Kim T, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên làm đơn khởi kiện với yêu cầu cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Đoàn Văn H yêu cầu được ly hôn bà Lê Kim T.

- *Về con chung*: Ông Đoàn Văn H và bà Lê Kim T có 03 (ba) con chung tên Đoàn Văn Ngh, sinh năm 1994; Đoàn Văn Tr, sinh năm 1996 và Đoàn Văn H2, sinh ngày 19/8/2003. Cả 03 (ba) con chung của ông Đoàn Văn H và bà Lê Kim T đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Ông Đoàn Văn H tự thỏa thuận với bà Lê Kim T về tài sản chung.

- *Về nợ chung*: Ông Đoàn Văn H và bà Lê Kim T không có nợ chung.

Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn - ông Đoàn Văn H - có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến như tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án.

Bị đơn - bà Lê Kim T có ý kiến trình bày tại Tòa án vào ngày 28/4/2021 như sau:

Bà Lê Kim T đồng ý với lời trình bày của ông Đoàn Văn H về thời điểm hai bên chung sống và đăng ký kết hôn; về con chung và tài sản chung của vợ chồng. Về mâu thuẫn vợ chồng, bà Lê Kim T thừa nhận do chơi hụi nên dẫn đến nợ nần, bà Lê Kim T thừa nhận đây là khoản nợ riêng của mình nên không yêu cầu ông Đoàn Văn H phải chịu liên đới trả nợ. Nay bà Lê Kim T vẫn còn thương chồng, thương con nên trước yêu cầu ly hôn của ông Đoàn Văn H thì bà Lê Kim T có ý kiến như sau:

*Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Kim T không đồng ý ly hôn ông Đoàn Văn H.

*Về con chung*: Bà Lê Kim T và ông Đoàn Văn H có 03 (ba) con chung tên Đoàn Văn Ngh, sinh năm 1994; Đoàn Văn Tr, sinh năm 1996 và Đoàn Văn H2, sinh ngày 19/8/2003. Cả 03 (ba) con chung của bà Lê Kim T và ông Đoàn Văn H đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung*: Bà Lê Kim T và ông Đoàn Văn H tự thỏa thuận.

*Về nợ chung*: Bà Lê Kim T và ông Đoàn Văn H không có nợ chung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận:

- *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử*: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, như: Thụ lý và giải quyết vụ kiện đúng thẩm quyền; Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; Thông báo và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ cho Viện Kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tuy nhiên, Tòa án đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:* Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án:* Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng vẫn vắng mặt không có lý do trong quá trình giải quyết vụ án dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- *Về nội dung:* Nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông Đoàn Văn H và bà Lê Kim T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống cùng nhau hai bên đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến không còn niềm tin và tình cảm, không quan tâm và chăm sóc nhau chứng tỏ mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc ông Đoàn Văn H yêu cầu được ly hôn bà Lê Kim T là có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Ông Đoàn Văn H và bà Lê Kim T xác nhận 03 (ba) con chung tên Đoàn Văn Ngh, sinh năm 1994; Đoàn Văn Tr, sinh năm 1996 và Đoàn Văn H2, sinh ngày 19/8/2003 – đều đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về tài sản chung: Ông Đoàn Văn H, bà Lê Kim T đề nghị tự thỏa thuận nên không xét.

Về nợ chung: Ông Đoàn Văn H, bà Lê Kim T xác nhận không có nên không xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:* Xét đơn xin ly hôn của ông Đoàn Văn H, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn”; bị đơn - bà Lê Kim T có nơi cư trú tại số 320/64B C L, khu phố 3, phường B T Đ A, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đoàn Văn H có đơn xin vắng mặt; bà Lê Kim T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đoàn Văn H, bà Lê Kim T.

[3] *Về nội dung:*

[3.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Đoàn Văn H đối với bà Lê Kim T, Hội đồng xét xử căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của ông Đoàn Văn H, thấy rằng: Trong thời gian chung sống cùng nhau, do bà Lê Kim T không rõ ràng về tiền bạc, kinh tế, thường xuyên vay nợ mà ông Đoàn Văn H không rõ mục đích đã đẩy gia đình vào hoàn cảnh khó khăn, năm 2019 gia đình đã phải bán một căn nhà mà vẫn

không đủ trả nợ mà bà Lê Kim T gây ra làm cho niềm tin, tình cảm giữa vợ chồng không còn.

Về phía bị đơn, vào ngày 28/4/2021 tại Tòa án – bà Lê Kim T có trình bày ý kiến là vẫn còn thương chồng, thương con nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, hôn nhân là sự tự nguyện, khi một trong hai bên không còn muốn chung sống với nhau chứng tỏ mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để bà Lê Kim T tham gia phiên hòa giải để tạo cơ hội cho ông Đoàn Văn H, bà Lê Kim T giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm nhưng bà Lê Kim T vắng mặt, điều đó thể hiện bà Lê Kim T không có thiện chí hòa giải, hàn gắn quan hệ hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông Đoàn Văn H, bà Lê Kim T đã trầm trọng, không còn khả năng để hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay ông Đoàn Văn H yêu cầu được ly hôn bà Lê Kim T, căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận.

[3.2] *Về con chung*: Ông Đoàn Văn H và bà Lê Kim T có 03 (ba) con chung tên Đoàn Văn Ngh, sinh năm 1994; Đoàn Văn Tr, sinh năm 1996 và Đoàn Văn H2, sinh ngày 19/8/2003.

Xét, cả 03 con chung của ông Đoàn Văn H và bà Lê Kim T đều đã thành niên, ông Đoàn Văn H và bà Lê Kim T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3.4] *Về tài sản chung*: Ông Đoàn Văn H, bà Lê Kim T đề nghị tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.5] *Về nợ chung*: Ông Đoàn Văn H, bà Lê Kim T tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] *Về án phí*: Ông Đoàn Văn H chịu 300,000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vụ án chậm đưa ra xét xử là do tình hình dịch bệnh cộng với phía bị đơn không hợp tác để giải quyết vụ án nên việc xác minh, tổng đạt gặp khó khăn.

Lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là phù hợp quy định pháp luật nên thống nhất.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 119 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự.

## **Tuyên xử**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông Đoàn Văn H đối với bà Lê Kim T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Đoàn Văn H được ly hôn bà Lê Kim T (Giấy chứng nhận kết hôn số 44, ngày 08/3/2000 do Ủy ban nhân dân xã B T Đ, huyện B C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Đoàn Văn H và bà Lê Kim T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

- *Về con chung:* 03 (ba) con chung của ông Đoàn Văn H và bà Lê Kim T tên Đoàn Văn Ngh, sinh năm 1994; Đoàn Văn Tr, sinh năm 1996 và Đoàn Văn H2, sinh ngày 19/8/2003 – đều đã thành niên, ông Đoàn Văn H và bà Lê Kim T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3.4] *Về tài sản chung:* Ông Đoàn Văn H, bà Lê Kim T đề nghị tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.5] *Về nợ chung:* Ông Đoàn Văn H, bà Lê Kim T tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xét

2. *Về án phí:* Ông Đoàn Văn H chịu 300,000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0063369, ngày 31/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đoàn Văn H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- VKSND quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Chi cục THA DS quận Bình Tân;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hồng Liên**